

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thái.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đinh Ngọc Đình.

Ông Nguyễn Văn Bon.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa:

-*Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thu T, sinh năm: 1990.

Cư trú tại: Ấp 4, xã B, huyện C, Long An.

-*Bị đơn:* Ông Võ Minh T, sinh năm: 1988.

Cư trú tại: Ấp 8, xã V, huyện C, Long An.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, bà Trương Thị Thu T là nguyên đơn trình bày:* Bà và ông Võ Minh T được tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng không chung sống với nhau được. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Võ Minh T.

Về con chung: Bà và ông T có với nhau một người con chung tên Võ Ngọc Xuân T, sinh ngày 07/4/2011, hiện tại bà đang nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục giữ nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Võ Minh T là bị đơn theo xác nhận của Công an xã Vĩnh Công, ông T hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không lý do, do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Võ Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trương Thị Thu T xin ly hôn với ông Võ Minh T, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết.

[2] Bà Trương Thị Thu T và ông Võ Minh T được tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo bà Trương Thị Thu T sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin ly hôn với ông T. Đối với ông Võ Minh T theo xác nhận của Công an xã Vĩnh Công, ông T hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông T nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đã thể hiện ý thức không hợp tác của ông T. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà Trương Thị Thu T được ly hôn với ông Võ Minh T, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Hai đương sự có với nhau một người con chung tên Võ Ngọc Xuân Thy, sinh ngày 07/4/2011, hiện tại bà T đang nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục giữ nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của bà T là phù hợp, để ổn định cuộc sống con chung khi ly hôn cần giao bà T được tiếp tục giữ nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con, theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai trình không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra.

[6] Về án phí: Bà Trương Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị Thu T được ly hôn với ông Võ Minh T.

2. Về con chung: Khi ly hôn bà Trương Thị Thu T được tiếp tục giữ nuôi con chung tên Võ Ngọc Xuân T, sinh ngày 07/4/2011, đến tuổi trưởng thành. Ông Võ Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Trương Thị Thu T đã nộp sang khoản án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0007751 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Thái